TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2022/HSST
Ngày: 20- 4- 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lò Thị Hiêng

2. Ông Trịnh Duy Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị ThU Huyền - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thuân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2022/TLST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lùng Văn U**; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 01/10/1991, tại tỉnh L;

Nơi cư trú: Khu phố 09, thị trấn M, huyện M, tỉnh L;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12 phổ thông; Con ông: Lùng Văn B; Con bà: Lò Thị K (Đã chết); Vợ: Chang Thị N (Đã ly hôn), con: Có 02 con, lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án: Ngày 16/9/2020, bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xử phạt 06 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản", bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và tiền án phí, nhưng chưa bồi thường thiệt hại cho bị hại, nên chưa được xóa án tích, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/01/2022 cho đến ngày xét xử (Có mặt).

- *Bị hại:* Chị Đỗ Thị N; Địa chỉ: Tổ dân phố 02, phường M, thành phố Đ, tỉnh B (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Phạm Văn H; Địa chỉ: Thôn Y, xã Y, huyện B, tỉnh B (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 35 phút ngày 13/01/2022, bị cáo Lùng Văn U đi bộ qua cầu A1 hướng về nghĩa trang A1. Khi đi đến tổ dân phố 02, phường M, thành phố Đ, tỉnh B, thấy một chiếc xe mô tô nhãn hiệu HonDa wave S, biển kiểm soát 27N1 - 031.08 của chị Đỗ Thị N trị giá 7.200.000đ dựng ở sân trước ngôi nhà số 156, tổ dân phố 02, phường M bên đường đối diện, đầu xe hướng vào nhà, khóa xe cắm ở ổ điện, bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để làm phU tiện và sau bán lấy tiền tiêu xài, bị cáo đi bộ sang đường quan sát thấy không có người, nên tiến đến mở chìa khóa điện, quay đầu xe, ngồi lên nổ máy rồi điều khiển xe đi về nhà ở huyện M, tỉnh L. Khi đến bản C, xã S, huyện M, tỉnh B xe hết xăng, bị cáo dắt xe thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Đ phát hiện đưa về trụ sở làm việc.

Bản kết luận định giá số 02/KL ngày 14/01/2022, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Đ, tỉnh B kết luận: 01 xe máy HonDa wave S, màu sơn đen-xám, Biển kiểm soát: 27N1 - 03108, số máy HC09E-6751436, số khung: RLHHC090X7Y929055, xe cũ đã qua sử dụng có giá: 7.200.000đ.

Tại bản cáo trạng số 33/CT-VKSTPĐBP ngày 28/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Lùng Văn U về tội: Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội: Trộm cắp tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52/BLHS. Xử phạt bị cáo từ 15 tháng đến 18 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu giải quyết. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo bị truy tố: Lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại và những người liên quan khác cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ

án như: Biên bản lấy lời khai, biên bản hiện trường, biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự….Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 11 giờ 35 phút, ngày 13/01/2022, tại tổ 02, phường M, thành phố Đ, tỉnh B, Lùng Văn U đã có hành vi lén lút bí mật chiếm đoạt tài sản của người khác có tổng trị giá 7.200.000 đồng.

Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn phường M nói riêng, thành phố Đ nói chung, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Từ những phân tích trên khẳng định: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

[2]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS. Về tình tiết tăng nặng: Ngày 16/9/2020, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và tiền án phí, nhưng chưa bồi thường thiệt hại cho bị hại, chưa được xóa án tích, nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng "Tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52/BLHS.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo là người đã từng bị chấp hành hình phạt tù về tội "Trộm cắp tài sản", khi trở về địa phương, không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bản thân bị cáo là người nghiện ma túy. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo là hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài, để bị cáo có thời gian cai nghiện và cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

Với giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp là 7.200.000đ, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, thì mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an thành phố Đ, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173/BLHS, thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo

không có nghề nghiệp và không có thu nhập gì, điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Vật chứng: Đối với chiếc xe máy Honda wave S, màu màu sơn đen- xám, Biển kiểm soát: 27N1-03108, kèm chìa khóa xe, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa có đủ căn cứ xác định: Tháng 11/2021 anh Phạm Văn H; Địa chỉ: Thôn Y, xã Y, huyện B, tỉnh B bán lại chiếc xe trên cho chị N, mặc dù chưa làm giấy tờ mua bán, nhưng anh H và chị N đều thừa nhận chị N đã trả đủ tiền cho anh H, anh H đã giao xe cho chị N, nên có căn cứ xác định là tài sản của chị Đỗ Thị N; Địa chỉ: Tổ dân phố 02, phường M, thành phố Đ, tỉnh B. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả số tài sản trên cho chủ sở hữu là chị N. Xét việc trao trả này của Cơ quan điều tra là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bồi thường dân sự: Chị N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/ BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52/BLHS.

- Tuyên bố bị cáo Lùng Văn U phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo Lùng Văn U 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (14/01/2022).

2. Về trách nhiệm dân sự: Không đề cập giải quyết.

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/ BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333/BLTTHS, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/4/2022), bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Người CQLNVLQ;
- VKSND TPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Trại tạm giam, Nhà tạm giữ CA TPĐBP;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- HS Thi hành án HS;
- L- u hồ sơ vụ án;
- L- u VP.

Đào Thị Thúy Thành